

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 19-12-2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Quốc

2. Bà Lý Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cẩm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Bản Đ, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lương Văn C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Bản Đ, xã CL, huyện TC , tỉnh Sơn La.

Anh Chiêng hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lương Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lương Thị Đ và anh Lương Văn C kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 02/4/2004, tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận

đến năm 2020 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lường Văn C nghiện ma túy, chị Lường Thị Đ và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Chiêng vẫn không nghe dẫn đến tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay anh Lường Văn C đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Chị Lường Thị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lường Văn C.

Về con chung: Chị Lường Thị Đ và anh Lường Văn C có 02 (hai) con chung là cháu Lường Thúy Thu, sinh ngày 16/01/2001 và cháu Lường Văn T, sinh ngày 22/7/2007. Hiện tại cháu Lường Văn T đang sống chung với chị Lường Thị Đ.

Chị Lường Thị Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lường Văn T. Chị Lường Thị Đ không yêu cầu anh Lường Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lường Thúy Thu đã đến tuổi trưởng thành và lập gia đình.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lường Thị Đ cam đoan không có nợ chung.

Trong biên bản lấy lời khai, phiên hòa giải bị đơn anh Lường Văn C trình bày (Có xác nhận của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La):

Về hôn nhân: Anh Lường Văn C và chị Lường Thị Đ kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 02/4/2004, tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2020 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lường Văn C cờ bạc, sử dụng ma túy, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh Lường Văn C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Lường Văn C và chị Lường Thị Đ có 02 (hai) con chung là cháu Lường Thúy Thu, sinh ngày 16/01/2001 và cháu Lường Văn T, sinh ngày 22/7/2007. Anh Lường Văn C không nhất trí ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Anh Lường Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lường Văn C khai không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lương Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Anh Lương Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Chiêng giữ nguyên ý kiến trong biên bản lấy lời khai.

Ý kiến của cháu Lương Văn T, sinh ngày 22/7/2007 (Biên bản ghi ý kiến ngày 01/11/2022): Cháu cháu Lương Văn T có nguyện vọng muốn ở với chị Lương Thị Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tình cảm: Xử cho chị Lương Thị Đ được ly hôn anh Lương Văn C.

Về con chung: Giao cháu Lương Văn T, sinh ngày 22/7/2007 cho chị Lương Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lương Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lương Thị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lương Văn C có địa chỉ tại bản Đông, xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lương Thị Đ, bị đơn anh Lương Văn C: Nguyên đơn chị Lương Thị Đ, bị đơn anh Lương Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Đ và anh Lương Văn C kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 02/4/2004, tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Chiềng cờ bạc, nghiện ma túy, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay anh Lương Văn C đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Chị Định cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lương Văn C. Anh Lương Văn C không nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Định và anh Chiềng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lương Thị Đ được ly hôn anh Lương Văn C. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lương Thị Đ và anh Lương Văn C có 02 (hai) con chung, là cháu Lương Thúy Thu, sinh ngày 16/01/2001 và cháu Lương Văn T, sinh ngày 22/7/2007. Hiện tại cháu Lương Văn T đang được chị Định chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Lương Thị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lương Văn T. Cháu Lương Thúy Thu đã đến tuổi trưởng thành và lập gia đình. Anh Chiềng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu thu thập của Tòa án: chị Định có nơi cư trú ổn định, hiện nay làm trồng trọt, chăn nuôi. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 01/11/2022 nguyện vọng của cháu Lương Văn T là cháu muốn ở với mẹ.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học

hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần, cần giao cháu Lường Văn T cho chị Lường Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lường Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Định không yêu cầu, anh Chiêng không có khả năng cấp dưỡng).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lường Thị Đ, anh Lường Văn C không có nợ chung.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lường Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị Đ được ly hôn anh Lường Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Văn T, sinh ngày 22/7/2007 cho chị Lường Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Lường Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Chị Lường Thị Đ và anh Lường Văn C không có nợ chung.

6. Về án phí: Chị Lường Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/00020226, ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị Đ, anh Lương Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã LC, huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng